TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST Ngày 29-7-2025 V/v Tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Văn Châu
Ông Nguyễn Thanh Màu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ liên hệ: Số C xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Minh T, sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Thường trú tại: Số A đường P, phường P, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Ngô Minh T quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, ông, bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 147 quyển số 01 ngày 18/10/2006. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không được hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không thể dung hòa dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến tháng 10 năm 2009 vợ chồng ly thân cho đến nay đã 16 năm tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng không ai muốn hàn gắn mối quan hệ này và hiện tại cả hai vợ chồng đều thống nhất ly hôn. Quá trình chung sống ông, bà không có con chung, không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nay ông Nguyễn Đình Đ yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Minh T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 03 tháng 6 năm 2025, bị đơn bà Ngô Minh T trình bày:*

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đình Đ thì bà đồng ý.

- *Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ và bị đơn bà Ngô Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ, về quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đình Đ và bà Ngô Minh T không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, Thành phố Cần Thơ) theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không thể dung hoà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, đến tháng 10 năm 2009 ông Đ và bà T đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, bà T cũng đồng ý ly hôn với ông Đ. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông Đ và bà T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đình Đại T1 khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đình Đ và bà Ngô Minh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Ông Nguyễn Đình Đại T1 khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đình Đại T1 khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000371 ngày 30/5/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Cần Thơ); ông Nguyễn Đình Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Ngô Minh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND KV 5 - CT;
- Phòng THADS KV5 - CT;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền